|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT GIA LÂM** TRƯỜNG THCS KIÊU KỴ | **ĐỀ THI VÀO 10 THPT****MÔN** **ĐỊA LÍ** *Thời gian làm bài :* *60 Phút; (Đề có 40 câu)* *(Đề có 6 trang)* |

***Đề 1***

*Câu 1.Việt Nam có bao nhiêu dân tộc?*

A. dân tộc.

B.55 dân tộc.

C.56 dân tộc.

D.57 dân tộc.

*Câu 2.Dân tộc nào có số dân ít nhất ở Việt Nam?*

A.Dân tộc Pu Péo.

B.Dân tộc Rơ-măm.

C.Dân tộc Si La.

D.Dân tộc Ơ-đu.

*Câu 3.Nhà Rông là kiểu nhà của các dân tộc nào?*

A.Dân tộc Chăm.

B.Dân tộc Nùng.

C.Dân tộc Hoa.

D.Các dân tộc sống ở Tây Nguyên.

*Câu 4.Tình trạng du canh, du cư của một số dân tộc vùng cao đã được hạn chế là do nguyên nhân quan trọng nhất nào sau đây?*

A.Chính sách vận động định canh, định cư gắn với xóa đói, giảm nghèo.

B.Thu nhập của người dân tăng, đời sống của các dân tộc được nâng cao.

C.Tài nguyên thiên nhiên được khau thác hợp lí, môi trường được cải thiện.

D.Người dân nhận thức được hậu quả xấu của tình trạng du canh, du cư.

*Câu 5.Nhận định nào dưới đây* ***không******đúng*** *là lợi ích của việc giảm tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số?*

A.Vấn đề việc làm sẽ được giải quyết tốt hơn.

B.Môi trường sinh thái có điều kiện bảo vệ tốt hơn.

C.Tốc độ kinh tế chậm lại do thiếu lao động.

D.Tạo điều kiện nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư.

*Câu 6.Trong các vùng dưới đây, vùng nào có tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số cao hơn cả?*

A.Đồng bằng sông Hồng.

B.Đồng bằng sông Cửu Long.

C.Đông Nam Bộ.

D.Tây Nguyên.

*Câu 7.Tỉ lệ giới tính của dân số nước ta hiện nay có đặc điểm:*

A.cao.

B.thấp.

C.gần cân bằng.

D.ổn định trong thời gian dài.

*Câu 8.Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta hiện nay là?*

A.Đông Nam Bộ.

B.Tây Nguyên.

C.Đồng bằng sông Hồng.

D.Đồng bằng sông Cửu Long.

*Câu 9.Vùng nào dưới đây có mật độ dân số thấp hơn cả?*

A.Đông Bắc.

B.Tây Bắc.

C.Bắc Trung Bộ.

D.Tây Nguyên.

*Câu 10.Nhận định nào dưới đây* ***không*** *đúng về đặc điểm nguồn lao động ở nước ta hiện nay ?*

A.Nguồn lao động dồi dào và tăng nhanh.

B.Người lao động còn hạn chế về trình độ chuyên môn.

C.Chất lượng nguồn lao động chưa được cải thiện.

D.Người lao động có kinh nghiệm sản xuất phong phú.

*Câu 11.Nhận định nào* ***không*** *đúng về nguồn lao động nước ta ?*

A.Tỉ lệ lao động của khu vực nhà nước tăng dần.

B.Tỉ lệ lao động qua đào tạo tăng dần.

C.Tỉ lệ lao động ở khu vực nông, lâm, ngư nghiệp giảm dần.

D.Năng suất lao động còn thấp.

*Câu 12.Công cuộc đổi mới nền kinh tế nước ta bắt đầu từ khi nào?*

A.Năm 1966.

B.Năm 1976.

C.Năm 1986.

D.Năm 1996.

*Câu 13.Từ năm 1986 đến nay, tỉ trọng của khu vực nông, lâm, ngư trong cơ cấu GDP của nước ta giảm dần do*

A.Diện tích đất sản xuất bị thu hẹp.

B.Ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh.

C.Giá trị sản xuất tăng chậm hơn khu vực công nghiệp-xây dựng và dịch vụ.

D.Sự cạnh tranh gay gắt của nước khác.

*Câu 14.Yếu tố tự nhiên nào sau đây có ảnh hưởng đến tính thời vụ trong sản xuất nông nghiệp ở nước ta ?*

A.Đất trồng.

B.Khí hậu.

C.Nguồn nước.

D.Sinh vật.

*Câu 15.Rừng phòng hộ phân bố chủ yếu ở*

A.các khu vực núi cao và ven biển.

B.vùng núi thấp và trung bình.

C.Trung du và miền núi phía Bắc.

D.ven các sông lớn.

*Câu 16.Yếu tố đầu ra ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp?*

A.lao động.

B.thị trường.

C.nguyên liệu.

D.năng lượng.

*Câu 17.Cho bảng số liệu:*

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN VÀ GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010-2015

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng sản lượng***(nghìn tấn)* | **Sản lượng nuôi trồng***(nghìn tấn)* | **Giá trị xuất khẩu***(triệu đô la Mỹ)* |
| 2010 | 199,6 | 236,4 | 340,9 |
| 2013 | 292,5 | 292,8 | 395,2 |
| 2014 | 199,6 | 236,4 | 340,9 |
| 2015 | 292,5 | 292,8 | 395,2 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)*

Để thể hiện sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản của nước ta, giai đoạn 2010-2015 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A.Đường.

B.Miền.

C.Kết hợp.

D.Cột.

*Câu 18.Nước ta hòa mạng Internet vào cuối năm.*

A.1990.

B.1997.

C.2000.

D.2007.

*Câu 19.Ngành nào sau đây không thuộc nhóm ngành dịch vụ tiêu dùng?*

A.Khách sạn, nhà hàng.

B.Dịch vụ cá nhân và cộng đồng.

C.Thương nghiệp, dịch vụ sửa chữa.

D.Tài chính và tín dụng.

*Câu 20.*Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010-2015

*(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2013 | 2014 | 2015 |
| Xuất khẩu | 72 236,7 | 132 032,9 | 150 217,1 | 162 016,7 |
| Nhập khẩu | 84 838,6 | 132 032,6 | 147 849,1 | 165 775,9 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)*

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về giá trị xuất, nhập khẩu của nước ta, giai đoạn 2010-2015?

A.Xuất khẩu tăng, nhập khẩu giảm.

B. Xuất khẩu tăng, nhập khẩu tăng.

C. Xuất khẩu giảm, nhập khẩu tăng.

D. Xuất khẩu giảm, nhập khẩu giảm.

*Câu 21.Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ bao gồm bao nhiêu tỉnh? `*

A.14 tỉnh.

B.15 tỉnh .

C.16 tỉnh .

D.17 tỉnh .

*Câu 22.Vườn quốc gia nào thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng nằm ở Ninh Bình?*

A.Vườn quốc gia Tam Đảo.

B.Vườn quốc gia Ba Vì.

C.Vườn quốc gia Cát Bà.

D.Vườn quốc gia Cúc Phương.

*Câu 23.Di sản văn hóa thế giới được UNESCO công nhận nằm ở vùng Bắc Trung Bộ là:*

A.Phố cổ Hội An.

B.Phong Nha-Kẻ Bàng.

C.Vịnh Hạ Long.

D.Cố đô Huế.

*Câu 24.Quần đảo Hoàng Sa thuộc*

A.tỉnh Quảng Nam.

B.Thành phố Đà Nẵng.

C.tỉnh Quảng Ngãi.

D.tỉnh Khánh Hòa.

*Câu 25.Cao nguyên nào có độ cao lớn nhất Tây Nguyên?*

A.Kon Tum.

B.Đắk Lăk.

C.Lâm Viên.

D.Di Linh.

*Câu 26. Cho bảng số liệu:*

Diện tích và dân số một số quốc gia Đông Nam Á năm 2015

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Diện tích** *(nghìn km2)* | **Dân số** *(triệu người)* |
| Bru-nây | 5,8 | 0,4 |
| Cam-pu-chia | 181,1 | 15,8 |
| In-đô-nê-xi-a | 1910,9 | 259,4 |
| Lào | 236,8 | 7,1 |
| Phi-lip-pin | 300,0 | 102,6 |
| Xin-ga-po | 0,7 | 5,6 |
| Việt Nam | 331,2 | 92,7 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)*

**Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với mật độ dân số của một số quốc gia Đông Nam Á năm 2015?**

A.Xin-ga-po cao nhất, Bru-nây thấp nhất. B.Xin-ga-po cao gấp 29,1 lần Việt Nam.

C.Việt Nam cao gấp 3,2 lần Cam-pu-chia. D.Nước cao nhất gấp 66,1 lần nước thấp nhất.

*Câu 27.Căn cứ vào Atlat Địa li Việt Nam trang 22, cho biết đường dây 500kV nối hai địa điểm nào sau đây?*

A.Phả Lại.

B.Uông Bí.

C. Cà Mau.

D.Phú Mỹ.

*Câu 28. Căn cứ vào Atlat Địa li Việt Nam trang 22, cho biết nguyên liệu chủ yếu của các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc nước ta là gì?*

A.Dầu mỏ.

B.Than.

C,Khí tự nhiên.

D.Khí đốt.

*Câu 29. Căn cứ vào Atlat Địa li Việt Nam trang 23, cho biết địa điểm nào sau đây vừa có sân bay vừa có cảng biển?*

A.Hạ Long.

B.Đồng Hới.

C.Tuy Hòa.

D.Nha Trang.

*Câu 30. Căn cứ vào Atlat Địa li Việt Nam trang 25, cho biết địa danh nào sau đây không phải là di sản văn hóa thế giới?*

A.Di tích Mỹ Sơn.

B.Phố cổ Hội An.

C.Vịnh Hạ Long.

D.Cố đô Huế.

*Câu 31.Các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương giáp biển của Đông Nam Bộ là*

A. TP.Hồ Chí Minh và Bình Dương. B. Tây Ninh và Đồng Nai.

C. TP.Hồ Chí Minh và Bà Rịa-Vũng Tàu. D. Bình Dương và Bình Phước.

*Câu 32.Sông nào sau đây không có ở vùng Đông Nam Bộ ?*

A. Sông Đà Rằng. B. Sông Đồng Nai.

C. Sông Sài Gòn. D. Sông Bé.

*Câu 33.Đặc điểm nổi bật của khí hậu vùng Đông Nam Bộ là tính chất*

A. nhiệt đới ẩm gió mùa. B. nhiệt đới nóng khô.

C. cận xích đạo mưa quanh năm. D. cận xích đạo nóng quanh năm.

*Câu 34.Tài nguyên khoáng sản có trữ lượng và giá trị kinh tế nhất ở vùng Đông Nam Bộ là*

A. titan. B. cát thủy tinh. C. dầu khí. D. muối khoáng.

*Câu 35.Khó khăn của Đông Nam Bộ đối với phát triển kinh tế là ?*

A. đất đai kém màu mỡ, thời tiết diễn biến thất thường.

B. ít khoáng sản, diện tích rừng tự nhiên chiếm tỉ lệ thấp.

C. tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái.

D. chỉ có hai tỉnh/thành phố giáp biển; nước sông ô nhiễm.

*Câu 36.Đặc điểm dân cư, xã hội nào sau đây không đúng với Đông Nam Bộ ?*

A. Dân cư đông đúc nhất cả nước. B. Thị trường tiêu thụ rộng lớn.

C. Có sức hút mạnh mẽ với lao động cả nước. D. Người dân năng động sáng tạo.

*Câu 37.Nguyên nhân chủ yếu làm cho tỉ lệ dân thành thị của Đông Nam Bộ cao nhất cả nước là*

A. dân di cư vào thành thị nhiều. B. nông nghiệp kém phát triển.

C. tốc độ công nghiệp hóa nhanh nhất. D. tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn cao.

*Câu 38.Trong cơ cấu GDP của vùng Đông Nam Bộ hiện nay, khu vực kinh tế nào sau đây chiếm tỉ trọng lớn nhất?*

A. Công nghiệp-xây dựng. B. Nông-lâm-ngư nghiệp.

C. Công nghiệp dầu khí. D. Dịch vụ.

*Câu 39.Sản xuất điện là ngành công nghiệp trọng điểm ở Đông Nam Bộ không phải vì lí do nào sau đây?*

A. Trữ lượng dầu khí lớn ở thềm lục địa. B. Sông ngòi có trữ năng thủy điện lớn.

C. Cơ sở hạ tầng tương đối hoàn thiện. D. Khí hậu cận xích đạo nóng quanh năm.

*Câu 40.Trung tâm công nghiệp nào sau đây chiếm hơn 50% giá trị sản xuất công nghiệp của vùng Đông Nam Bộ*

A. TP Hồ Chí Minh. B. Vũng Tàu. C. Biên Hòa. D. Thủ Dầu Một.

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** **GIA LÂM**TRƯỜNG THCS KIÊU KỴ | **ĐỀ THI VÀO 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG****MÔN ĐỊA LÍ** *Thời gian làm bài : 60 Phút; (Đề có 40 câu)* *(Đề có 6 trang)* |

***Đề 2***

*Câu 1.Dân tộc nào chiếm số lượng nhiều nhất ở Việt Nam?*

A.Dân tộc Thái.

B.Dân tộc Tày.

C.Dân tộc Mường.

D.Dân tộc Kinh.

*Câu 2.Đồng bằng, ven biển là nơi cư trú của dân tộc nào?*

A.Dân tộc Ba Na.

B.Dân tộc Nùng.

C.Dân tộc Lô Lô.

D.Dân tộc Việt.

*Câu 3. Lễ hội Ook-om-bok là của dân tộc nào?*

A.Dân tộc Cơ-tu.

B.Dân tộc Ba-na.

C.Dân tộc Khơ-me.

D.Dân tộc Gia-rai.

*Câu 4. Nước ta có nhiều dân tộc sinh sống, chủ yếu do có*

A.nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú.

B.điều kiện địa hình, khí hậu thuận lợi.

C.lịch sử phát triển lâu đời.

D.vị trí địa lí thuận lợi.

*Câu 5.Giai đoạn nào dưới đây ở nước ta có hiện tượng “bùng nổ dân số”?*

A.1954-1960.

B.1960-1976.

C.1976-1989.

D.1989-1999.

*Câu 6.Nguyên nhân tạo nên cơ cấu dân số trẻ của nước ta là*

A.Tỉ suất sinh cao, tỉ suất tử giảm mạnh.

B.Tỉ suất sinh giảm dần nhưng tỉ suất tử còn cao.

C.Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số cao trong một thời gian dài.

D.Tuổi thọ trung bình của dân cư thấp.

*Câu 7.Đến năm 2003, dân só nước ta là:*

A.90,8 triệu người.

B.89 triệu người.

C.80,9 triệu người.

D.98,8 triệu người.

*Câu 8.Nhận định nào thể hiện nguồn lao động vừa là lợi thế, vừa là khó khăn trong phát triển kinh tế-xã hội nước ta ?*

A.Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và thủ công nghiệp.

B.Dồi dào, mỗi năm tăng thêm hơn một triệu lao động.

C.Phần lớn lao đống sống ở nông thôn.

D.Năng động, có khả năng tiếp thu khoa học kĩ thuật.

*Câu 9.Nhận định nào thể hiện nguồn lao động vừa là lợi thế, vừa là khó khăn trong phát triển kinh tế-xã hội nước ta ?*

A.Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và thủ công nghiệp.

B.Dồi dào, mỗi năm tăng thêm hơn một triệu lao động.

C.Phần lớn lao đống sống ở nông thôn.

D.Năng động, có khả năng tiếp thu khoa học kĩ thuật.

*Câu 10.Phát biểu nào sau đây* ***không*** *đúng về thành tựu của công cuộc Đổi mới kinh tế-xã hội ở nước ta ?*

A.Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa.

B.Kinh tế tăng trưởng tương đối vững chắc.

C.Chênh lệch giàu nghèo trong xã hội đã được xóa bỏ.

D.Nước ta đang hội nhập vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu.

*Câu 11.Cho bảng số liệu:*

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2010 VÀ 2015

*(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Phi-líp-pin** | **Xin-ga-po** | **Thái Lan** | **Việt Nam** |
| 2010 | 199,6 | 236,4 | 340,9 | 116,3 |
| 2015 | 292,5 | 292,8 | 395,2 | 193,4 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)*

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia, năm 2015 so với 2010?

A.Phi-líp-pin tăng chậm nhất.

B.Xin-ga-po tăng ít nhất.

C.Thái Lan tăng nhiều nhất.

D.Việt Nam tăng nhanh nhất.

*Câu 12.Loại đất nào tập trung nhiều nhất ở vùng trung du, miền núi?*

A.Đất phù sa.

B.Đất feralit.

C.Đất mùn.

*Câu 13.Loại cây nào có tỉ trọng ngày càng tăng trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt?*

A.Cây lương thực.

B.Cây công nghiệp.

C.Cây ăn quả.

D.Cây rau đậu.

*Câu 14.Tiềm năng kinh tế biển của vùng nào lớn nhất?*

A.Đồng bằng Bắc Bộ.

B.Bắc Trung Bộ.

C.Duyên Hải Nam Trung Bộ.

D.Tây Nguyên.

*Câu15.Yếu tố hàng đầu tạo nên sự phát triển sản xuất công nghiệp là:*

A.Tài nguyên thiên nhiên.

B.Nguồn lao động.

C.Thị trường.

D.Chính sách công nghiệp hóa.

*Câu 16.Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết phát biểu nào sau đây đúng về công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm?*

A.Tỉ trọng rất nhỏ trong toàn ngành công nghiệp.

B.Quy mô giá trị sản xuất các trung tâm đều lớn.

C.Các ngành chế biến chính tương đối đa dạng.

D.Tập trung dày đặc nhất ở ven biển miền Trung.

*Câu 17.Sân bay nào dưới đây không phải là sân bay quốc tế?*

A.Sân bay Đà Nẵng.

B.Sân bay Nội Bài.

C.Sân bay Gia Lâm.

D.Sân bay Tân Sơn Nhất.

*Câu 18.Trong các địa điểm du lịch dưới đây, địa điểm nào là di sản thiên nhiên thế giới?*

A.Cù Lao Chàm.

B.Hồ Ba Bể.

C.Vịnh Hạ Long.

D.Vườn quốc gia Ba Vì.

*Câu 19.Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị thuộc tỉnh nào sau đây?*

A.Lạng Sơn.

B.Quảng Ninh.

C.Hà Giang.

D.Lào Cai.

*Câu 20.Trong số các tỉnh dưới đây, tỉnh nào nằm ở tiểu vùng Đông Bắc?*

A.Lào Cai.

B.Lai Châu .

C.Sơn La .

D.Điện Biên .

*Câu 21.Nguyên nhân nào làm cho vùng Đồng bằng sông Hồng có nhiều ô trũng?*

A.Do mưa nhiều.

B.Do hệ thống tiêu nước kém phát triển.

C.Do hệ thống đê làm cho phần lớn diện tích đồng bằng không được bồi đắp thêm phù sa hàng năm.

D.Do canh tác không hợp lí.

*Câu 22.Các con đường quốc lộ 7,8,9 của vùng Bắc Trung Bộ có đặc điểm gì chung?*

A.Mới được mở rộng.

B.Chạy theo hướng Bắc-Nam.

C.Là con đường từ Việt Nam sang Lào.

D.Là đường mòn Hồ Chí Minh.

*Câu 23.Vùng nào có diện tích nhỏ nhất?*

A.Đông Nam Bộ.

B.Đông bằng sông Cửu Long.

C.Tây Nguyên.

D.Duyên hải Nam Trung Bộ.

*Câu 24.Nhà máy thủy điện nào có công suất lớn nhất Tây Nguyên?*

A.Đa Nhim.

B.Đrây Hơ Linh.

C.Yaly.

D.Xê Xan 3.

*Câu 25.*Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây không thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

A.Thủ Dầu Một.

B.Vũng Tàu.

C.Biên Hòa.

D.Quy Nhơn.

*Câu 26.**Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết kênh đào nào sau đây thuộc tỉnh An Giang?*

A. Phụng Hiệp. B. Rạch Sỏi. C. Vĩnh Tế. D. Kỳ Hương.

*Câu 27.**Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh có sản lượng nuôi trồng thủy sản lớn nhất cả nước là*

A. An Giang B. Đồng Tháp C. Cà Mau D.TP. Cần Thơ

*Câu 28. Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên là các vùng trũng lớn của vùng*

A.đồng bằng Nghệ An. B.đồng bằng sông Hồng.

B. đồng bằng Hà Tĩnh. D. đồng bằng sông Cửu Long

*Câu 29. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn thứ hai cả nước?*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Cà Mau. | B. An Giang. | C. Đồng Tháp. | D. Kiên Giang. |

*Câu 30. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành hóa chất, phân bón?*

A. Cà Mau. B. Rạch Giá. C. Long Xuyên. D. Sóc Trăng.

*Câu 31. Cho biểu đồ:*

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG LÚA CẢ NĂM CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1990 – 2014

|  |
| --- |
|  |

 **Căn cứ vào biểu đồ trên, hãy cho biết nhận xét nào sau đây là đúng về diện tích, năng suất, sản lượng lúa cả năm của nước ta giai đoạn 1990 – 2014?**

A.Diện tích lúa tăng nhanh hơn sản lượng lúa. B.Diện tích, năng suất, sản lượng lúa tăng liên tục.

C.Sản lượng lúa tăng liên tục và tăng nhanh nhất.D.Năng suất lúa tăng liên tục và tăng nhanh nhất.

*Câu 32. Cho bảng số liệu:*

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2012 VÀ 2015 *(Đơn vị: Đô la Mỹ)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **In-đô-nê-xi-a** | **Phi-líp-pin** | **Thái Lan** | **Xin-ga-po** | **Việt Nam** |
| 2012 | 3 701 | 2 605 | 5 915 | 54 451 | 1 748 |
| 2015 | 3 346 | 2 904 | 5 815 | 52 889 | 2 109 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)*

**Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người của một số quốc gia năm 2012 và 2015?**

A.Phi-líp-pin tăng chậm hơn Việt Nam. B.Xin-ga-po tăng nhiều nhất.

C.Xin-ga-po giảm chậm hơn In-đô-nê-xi-a. D.Thái Lan giảm nhiều nhất

*Câu 33**Cho bảng số liệu:*

GDP theo giá thực tế, phân theo ngành kinh tế ở nước ta (nghìn tỉ đồng)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  Khu vựcNăm | Nông-lâm nghiệp-thủy sản | Công nghiệp-xây dựng | Dịch vụ |
| 1995 | 62,2 | 65,8 | 100,9 |
| 2000 | 108,4 | 162,2 | 171,1 |
| 2005 | 175,0 | 343,8 | 319,0 |
| 2012 | 658,8 | 1373,0 | 1552,5 |

 **Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu GDP của nước ta phân theo thành phần kinh tế trong thời gian từ 1995-2012 là**

A. biểu đồ tròn. B. biểu đồ cột. C. biểu đồ miền. D. biểu đồ đường.

*Câu 34. Trở ngại lớn nhất cho việc sử dụng và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là*

A. Độ cao địa hình thấp nên thường xuyên chịu tác động xâm nhập mặn của thủy triều.

B. Mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt gây trở ngại cho việc tiến hành cơ giới hóa.

C. Đất thiếu dinh dưỡng hoặc quá chặt, khó thoát nước.

D. Phần lớn diện tích là đất phèn, đất mặn lại có mùa khô sâu sắc.

*Câu 35.Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có sản lượng lúa lớn nhất nước, do có*

A. Dân số đông nhiều kinh nghiệm sản xuất lúa.

B. Diện tích trồng lúa lớn hơn các vùng khác.

C. Điều kiện khí hậu, nguồn nước thuận lợi cho thâm canh, tăng vụ.

D. Diện tích rộng lớn, đất phù sa màu mỡ.

*Câu 36. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây không có ngành sản xuất vật liệu xây dựng?*

A. Long Xuyên. B. Cần Thơ. C. Sóc Trăng. D. Cà Mau.

*Câu 37 . Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ Dầu Tiếng thuộc hệ thống sông nào sau đây?*

A. Sông Đồng Nai. B. Sông Mê Công. C. Sông Ba. D. Sông Cả.

*Câu 38. Trên vùng đất xám bạc màu của Đông Nam Bộ, cây công nghiệp hàng năm nào sau đây được trồng nhiều nhất?*

A. Lạc. B. Thuốc lá. C. Bông vải. D. Dâu tằm.

*Câu 39. Phương châm “ sống chung với lũ” ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long nhằm*

A. Khai thác các nguồn lợi về kinh tế do lũ hằng năm đem lại. B. Thích nghi với sự biến đổi của khí hậu.

C. Thay đổi tốc độ dòng chảy của sông. D. Giảm bớt các thiệt hại do lũ mang lại.

*Câu 40. Cây công nghiệp hàng năm đang được nhiều địa phương ở ĐBSCL đẩy mạnh trồng là*

A. Lạc. B. Thuốc lá. C. Miá đường. D. Đậu tương.